

Số: /BC-BDT

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2023, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023 - 2025 và định hướng triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1829/UBND-KGVX ngày 24/4/2023 về việc báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh và theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 775/SKHĐT-KGVX ngày 26/4/2023 về việc phối hợp báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 của tỉnh. Ban Dân tộc tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*sau đây gọi tắt là Chương trình*) giai đoạn 2021 - 2023, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023 - 2025 và định hướng triển khai trong giai đoạn 2026 – 2030, như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2023

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH.

1. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia các cấp và công tác điều phối, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình.

a) Mô hình tổ chức hoạt động Ban Chỉ đạo các cấp tại địa phương:

- Công tác kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện (bao nhiêu huyện thành lập Ban Chỉ đạo): UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; Trưởng ban Chỉ đạo đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 18/02/2022 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; giao Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu giúp việc Ban Chỉ đạo về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đến nay, 08/08 huyện¹ thực hiện Chương trình đã Quyết định thành lập BCD các Chương trình MTQG

¹ Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Minh Long, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Bình Sơn.

giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện phân công nhiệm vụ cho Trưởng phòng Dân tộc là ủy viên thường trực theo dõi, tham mưu thực hiện Chương trình (đối với các huyện có tổ chức phòng Dân tộc); Chánh Văn phòng huyện là ủy viên thường trực theo dõi, tham mưu thực hiện Chương trình (đối với các huyện không tổ chức phòng Dân tộc).

- Thành lập Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn: 100% xã, thôn thực hiện Chương trình đã thành lập Ban Quản lý cấp xã và Ban phát triển thôn. BQL cấp xã do Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban, Phó Chủ tịch UBND xã làm phó trưởng ban, thành viên là một số công chức xã, đại diện một số ban, ngành, đoàn thể chính trị xã và trưởng thôn; Chủ tịch UBND xã quyết định thành lập Ban phát triển thôn.

- Đánh giá vai trò chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện; vai trò tổ chức thực hiện của Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn: Vai trò của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện đã được thể hiện rõ nét trong thời gian qua, nhất là trong việc nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách có liên quan để thực hiện hiệu quả Chương trình trên địa bàn tỉnh; điều phối hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình; kiểm tra, giám sát, đôn đốc, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình tại địa phương; kịp thời phát hiện và nghiên cứu đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bất cập; đồng thời tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh kiến nghị với Chính phủ, các cơ quan Trung ương tháo gỡ vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh. Đối với vai trò tổ chức thực hiện của Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn đã tham mưu UBND xã tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình trên địa bàn xã; quản lý và triển khai thực hiện các dự án, nội dung thực hiện từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, nghiệm thu bàn giao và đưa dự án vào khai thác, sử dụng...; tổ chức và tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện, giám sát việc thực hiện Chương trình trên địa bàn xã...; ngoài ra, thực hiện tốt việc tuyên truyền, phổ biến cho người dân hiểu rõ về Chương trình, các chủ trương, cơ chế chính sách của nhà nước trong việc tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn.

b) Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện từng chương trình: Tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban ngành và Hội đồng tỉnh chủ trì, hướng dẫn, tổ chức thực hiện triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần của Chương trình đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo; UBND các huyện triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho Cơ quan Thường trực Chương trình và các cơ quan chủ trì Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần cấp tỉnh. Ngoài ra, hiện nay Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương

trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh với định hướng là đẩy mạnh việc phân cấp cho cấp huyện, xã quản lý, thực hiện.

2. Khung khổ pháp luật quản lý, điều hành và văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Kết quả ban hành văn bản quản lý, điều hành theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP: UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ nhất là tại Công văn số 2842/UBND-KGVX ngày 13/6/2022 về việc giao nhiệm vụ triển khai Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, thẩm quyền quản lý tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản để triển khai thực hiện Chương trình. Đến nay, hầu hết các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh đã được ban hành đầy đủ.

- Đánh giá thuận lợi, khó khăn, sự phù hợp trong áp dụng các chính sách quản lý, điều hành đã ban hành đối với nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chương trình: Đến nay, hầu hết các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình của Trung ương cũng như của địa phương đều đã được ban hành đầy đủ; tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các văn bản do chưa có sự thống nhất, chưa rõ ràng hoặc còn thiếu các quy định pháp lý liên quan, đã được Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp tham mưu UBND tỉnh xem xét, kiến nghị Trung ương tại các Công văn số 6654/UBND-KGVX ngày 30/12/2022 về việc khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các quy định về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 4558/UBND-KGVX ngày 12/9/2022 về việc báo cáo, kiến nghị hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 1617/UBND-KGVX 14/4/2023 về việc góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 10/4/2022 của Chính phủ; Công văn số 1019/UBND-KGVX ngày 14/3/2023 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và trong nhiều báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh về tình hình triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

Trong thời gian đến, Ban Dân tộc tỉnh tiếp tục tham mưu điều chỉnh Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; đồng thời tiếp tục rà soát, tham mưu UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của Chương trình hoặc kiến nghị các cơ quan trung ương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

3. Công tác truyền thông, thông tin về Chương trình mục tiêu quốc gia.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 22/9/2022 về việc truyền thông thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; trên cơ sở đó, các Sở ngành tỉnh và UBND các huyện đã ban hành kế hoạch truyền thông thực hiện Chương trình. Trong thời gian qua, Ban Dân tộc tỉnh, UBND các huyện đã chủ động, phối hợp triển khai công tác tuyên truyền thường xuyên, rộng khắp bằng nhiều hình thức trực quan như pa nô, phóng sự trên đài truyền hình, trang tin trên Báo Quảng Ngãi, tuyên truyền trên các Hội nghị...; nhất là Hội nghị thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN; Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm tổ chức thực hiện Chương trình và Chương trình chấp cánh ước mơ khởi nghiệp vùng đồng bào DTTS&MN được tổ chức giữa tháng 4/2023 đã có sức lan tỏa, gây ấn tượng mạnh mẽ đối với các tỉnh, các doanh nghiệp tham dự; ngoài ra, các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình, cũng tổ chức các hoạt động tuyên truyền về Chương trình trên địa bàn các huyện. Đại đa số người dân được tiếp cận, hiểu biết thông tin và đồng thuận cao trong việc tham gia thực hiện Chương trình, góp phần vào thành công chung của Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá kết quả, hiệu quả công tác đào tạo, tập huấn: Tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, cộng đồng và người dân là một trong những nội dung hết sức quan trọng trong việc triển khai thực hiện Chương trình; qua đó, giúp cho cán bộ, công chức và người dân hiểu rõ về Chương trình, các chính sách, các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình; trang bị kiến thức về công tác giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội; tiếp thu, vận dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đời sống; nâng cao nhận thức về việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, an sinh xã hội, nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện và tham gia thực hiện, góp phần tích cực vào kết quả phát triển kinh tế, xã hội của người dân vùng đồng bào DTTS&MN, thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình.

4. Hoạt động theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 12/9/2022 về việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh về theo dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND các huyện thực hiện Chương trình và các sở, ngành được giao chủ trì các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình phù hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương. Trong năm 2022, Ban Dân tộc tỉnh đã chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh, tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát trên địa bàn một số huyện và xã trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch của UBND tỉnh. Ngoài ra các Sở, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì

các Dự án, Tiểu Dự án, Nội dung thành phần (theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025) cũng đã tổ chức kiểm tra, giám sát theo nhiệm vụ được giao. Ban Dân tộc tỉnh tổ chức 03 lớp tập huấn nâng cao năng lực giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình cho công chức tham mưu, theo dõi, kiểm tra, đánh giá Chương trình của các sở, ban ngành tỉnh và các phòng chuyên môn của huyện, công chức cấp xã thực hiện Chương trình.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị, kết luận của Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra về thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2023: Chương trình được thực hiện từ giữa cuối năm 2022 đến nay, chưa thực hiện thanh tra, kiểm toán đối với Chương trình.

- Kế hoạch và dự kiến kết quả thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023: Trên cơ sở Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 22/03/2023 của UBND tỉnh về việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá giữa kỳ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; sẽ tổ chức kiểm tra, giám sát 02 đợt (đợt 1 trong tháng 5, 6/2023 và đợt 2 trong tháng 10, 11/2023) trên địa bàn 08 huyện và một số xã của các huyện thực hiện Chương trình.

II. CÔNG TÁC CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Cân đối nguồn lực từ ngân sách nhà nước.

- Phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và phân bổ, giao kế hoạch đầu tư vốn đầu tư hằng năm giai đoạn 2021-2023.

+ Phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025: HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 về phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư là 1.216.317 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 1.105.696 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 110.621 triệu đồng, gồm: Vốn được giao tại Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 là 1.202.787 triệu đồng (ngân sách trung ương là 1.092.166 triệu đồng, ngân

sách tỉnh là 110.621 triệu đồng) và được giao bổ sung tại Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương là 13.530 triệu đồng.

+ Phân bổ, giao kế hoạch đầu tư vốn đầu tư hằng năm giai đoạn 2021-2023:

* Năm 2022: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 về phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh với tổng nguồn vốn là 241.924 triệu đồng (trong đó: ngân sách trung ương là 218.108 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 23.816 triệu đồng).

* Năm 2023: Vốn đầu tư phát triển là 300.162 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 282.724 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 17.438 triệu đồng² (trong đó: vốn đã giao tại Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 là 296.651 triệu đồng, gồm ngân sách Trung ương là 279.404 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 17.247 triệu đồng; vốn chưa phân khai là 3.511 triệu đồng, gồm ngân sách Trung ương là 3.320 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 191 triệu đồng).

- Phân bổ, giao dự toán ngân sách trung ương hằng năm giai đoạn 2021-2023 (tiến độ thực hiện và kết quả phân bổ, giao dự toán, thuận lợi, khó khăn): Vốn đầu tư phát triển là 542.086 triệu đồng (trong đó: ngân sách Trung ương là 500.832 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 41.254 triệu đồng) và vốn sự nghiệp là 527.946 triệu đồng (trong đó: ngân sách Trung ương là 473.950 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 53.996 triệu đồng), cụ thể:

* Năm 2022:

+ Vốn đầu tư phát triển là 241.924 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 218.108 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 23.816 triệu đồng³.

+ Vốn sự nghiệp là: 128.266 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 114.385 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 13.881 triệu đồng⁴.

* Năm 2023:

+ Vốn đầu tư phát triển là 300.162 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 282.724 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 17.438 triệu đồng⁵ (trong đó: vốn đã giao tại Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 là

2 Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 27/12/2022.

3 Tại quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 04/8/2022.

4 Tại Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 và Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/10/2022.

5 Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 27/12/2022.

296.651 triệu đồng, gồm ngân sách Trung ương là 279.404 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 17.247 triệu đồng; vốn chưa phân khai là 3.511 triệu đồng, gồm ngân sách Trung ương là 3.320 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 191 triệu đồng).

+ Vốn sự nghiệp là: 399.680 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 359.565 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 40.115 triệu đồng⁶.

- Kết quả bố trí vốn đối ứng theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021, số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022, số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; Ngày 07/7/2022, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND về Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; theo đó, mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương được quy định tại Điều 15: Mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình của thị hàng năm, ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương được UBND tỉnh phân bổ cho các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh và tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương được UBND tỉnh phân bổ cho các huyện thực hiện Chương trình; đối với mức vốn đối ứng của ngân sách huyện, hằng năm, ngân sách huyện đối ứng tối thiểu bằng 5% tổng ngân sách trung ương được UBND tỉnh phân bổ cho các huyện thực hiện Chương trình. Trong giai đoạn 2021 – 2023, phần vốn đối ứng của Ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình đã được phân bổ đầy đủ; đối với phần đối ứng của ngân sách huyện, do trong năm 2022 các huyện chưa bố trí được kinh phí đối ứng nên hiện nay phần vốn đối ứng ngân sách huyện chưa được bố trí đầy đủ theo quy định.

2. Huy động nguồn lực khác: Trong giai đoạn 2021 – 2023, kết quả huy động từ nguồn vốn vay tín dụng chính sách là 24.100 triệu đồng; đối với các nguồn vốn huy động từ đóng góp của người dân cả hiện vật, sức lao động của người dân tham gia được quy đổi ra tiền để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Các nguồn lực đóng góp từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chưa thực hiện được do đây là Chương trình mới, với nhiều nội dung khó thực hiện; các văn bản quy định còn nhiều bất cập, khó khăn, vướng mắc.

3. Lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình.

- Về cơ chế huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực thực hiện Chương trình: HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 22/03/2023 Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn và huy động nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

6 Tại Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 23/3/2023.

- Về quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, giải ngân, nghiệm thu, thanh quyết toán các dự án, hoạt động thuộc Chương trình: Được thực hiện theo quy định tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình của các Bộ, ngành Trung ương và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Các giải pháp lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn và huy động nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; trong thời gian đến, Ban Dân tộc tỉnh sẽ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện tốt nội dung này.

4. Quản lý và sử dụng nguồn lực.

- Kết quả giải ngân nguồn ngân sách nhà nước.

* Năm 2022:

- Đến ngày 31/01/2023 tổng vốn đầu tư đã giải ngân là 134.248 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 123.075 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 11.173 triệu đồng); ước đến ngày 30/6/2023 là 187.343 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 167.520 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 19.823 triệu đồng); ước đến 31/12/2023 giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2022.

- Vốn sự nghiệp: Đến ngày 31/01/2023 tổng vốn sự nghiệp đã giải ngân là 38.114 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 37.337 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 777 triệu đồng); ước đến 31/12/2023 giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2022.

* Năm 2023: Ước đến ngày 30/6/2023, giải ngân vốn đầu tư phát triển là 35.677 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 34.028 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 1.608 triệu đồng); ước đến 31/12/2023 giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2023.

+ Vốn sự nghiệp: đến thời điểm báo cáo, các đơn vị được giao vốn đang triển khai thực hiện, chưa có kết quả giải ngân; ước đến 31/12/2023 giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2023.

- Nguồn vốn tín dụng: Nguồn vốn vay tín dụng từ Ngân hàng chính sách xã hội đã tạo điều kiện cho người dân nhất là các hộ dân nghèo và các đối tượng chính sách được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước, từng bước khắc phục những khó khăn, cải thiện đời sống của người dân, nâng cao thu nhập cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong năm 2022, nguồn vốn vay tín dụng chính sách được thực hiện để hỗ trợ các nội dung về hỗ trợ nhà ở và đất sản xuất cho người dân; kết quả giải ngân vốn vay tín dụng chính sách là 10.405 triệu đồng.

- Nguồn huy động khác: Trong năm 2022, chưa thực hiện được; trong thời gian đến, Ban Dân tộc tỉnh sẽ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện tốt nội dung này nội dung này.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN, NỘI DUNG THÀNH PHẦN

1. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình:

- Kết quả thực hiện các mục tiêu: (i) Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 5,37%; (ii) Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt 100%; (iii) Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa đạt 75%; (iv) Tỷ lệ trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố 100%; (v) Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp đạt 99%; (vi) Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 78,3%; (vii) Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh đạt 98%; (viii) Mục tiêu về giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào đạt 30% số hộ được hỗ trợ; (ix) Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 99,5%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt 98,9%, học trung học cơ sở đến trường đạt 98,7%, học trung học phổ thông đến trường đạt 59%; tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt 86%; (x) Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%, tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế đạt 92%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đạt 21,7%; (xi) Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu đạt 35%; Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 97%; (xii) số cán bộ, công chức, viên chức các cấp được bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc 393 người.

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu: (i) Nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa 50km đường nông thôn, số hộ được giải quyết nước sinh hoạt là 7.383 hộ, số công trình nước sinh hoạt tập trung là 43 công trình, số trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, cơ sở dự bị đại học, trường trung học phổ thông dân tộc nội trú được tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học là 18 trường; (ii) Số hộ được giải quyết đất ở là 251 hộ, nhà ở là 631 hộ, đất sản xuất là 297 hộ, sinh kế, chuyển đổi nghề là 925 hộ; (iii) Số hộ được hỗ trợ sắp xếp ổn định dân cư tự do, bố trí định canh, định cư, bố trí sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn và khu vực cần thiết khác: hiện nay, chưa thực hiện sắp xếp ổn định dân cư do đang triển khai thực hiện các dự án ĐCĐC; (iv) Số thiết chế văn hoá, thể thao thôn được đầu tư là 05 công trình; số điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được xây dựng là 02 công trình; (v) Số cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kiến thức về công tác dân tộc là 393 người.

b) Kết quả thực hiện, tình hình giải ngân các nội dung, hoạt động thuộc từng Dự án, Tiêu dự án thành phần của Chương trình: có phụ lục kèm theo.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN.

1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cấp chính quyền địa phương. Ban Dân tộc tỉnh cùng các Sở, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực tham mưu cho UBND tỉnh trong việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và đạt được những kết quả tích cực; UBND tỉnh đã quyết liệt, kịp thời chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành có liên quan tham mưu triển khai Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, các Thông tư, văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương theo từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình.

- Đến nay, hầu hết các quy định, các văn bản pháp lý để triển khai thực hiện Chương trình thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh đã được ban hành; các Sở, ban ngành và UBND các huyện đã triển khai thực hiện đạt được một số kết quả nhất định; trong năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi giảm 5,37%, từ 35,64% xuống còn 30,27% (đạt mục tiêu đề ra là 4%); tỷ lệ hộ cận nghèo là 13,99%.

- Tác động kinh tế - xã hội: Chương trình được triển khai thực hiện từ giữa cuối năm 2022 đến nay, mặc dù trong thời gian ngắn nhưng đã có nhiều tác động tích cực đến kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh; Chương trình đã thúc đẩy nhanh hơn, bền vững hơn về mục tiêu giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho người dân; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao, kinh tế vùng đồng bào DTTS&MN tiếp tục tăng trưởng, mục tiêu giảm hộ nghèo đạt kết quả tốt...; đến nay, có 06 xã⁽⁷⁾ đạt tiêu chí nông thôn mới, đạt tỷ lệ 8,2%; 100% xã có điện lưới quốc gia; Hệ thống giao thông ở vùng đồng bào DTTS&MN cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân; mạng lưới giao thông từ huyện đến xã, thôn đang từng bước được cải thiện, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa, cứng hóa; 95,5% thôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, rộng khắp; Công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc luôn được quan tâm.

- Tác động về môi trường, sinh thái của Chương trình: Bảo vệ môi trường, cảnh quan, sinh thái là một trong những nhiệm vụ quan trọng để nâng cao chất lượng đời sống người dân, đưa Chương trình thực sự đi vào chiều sâu và bền vững; do đó, trong những năm qua thực hiện Chương trình MTQG nông thôn mới đã đạt được những kết quả tốt về tiêu chí môi trường, cảnh

⁽⁷⁾ Các xã: Ba Cung (huyện Ba Tơ), Long Sơn, Thanh An (huyện Minh Long), Sơn Hạ, Sơn Thành (huyện Sơn Hà), Nghĩa Sơn (huyện Tư Nghĩa).

quang sinh thái, môi trường nông thôn được đảm bảo; tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 78,3%; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 53,2%.

- Tính hiệu quả đầu tư, tính bền vững của Chương trình: Việc triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh thời gian qua gặp nhiều khó khăn (thời gian triển khai ngắn; còn nhiều vướng mắc về cơ chế, chính sách; việc giải ngân vốn năm 2022 chưa đạt được kết quả cao). Tuy nhiên, việc thực hiện đầu tư đối với các Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần đã được thực hiện trong thời gian qua, thể hiện được sự hiệu quả; trong năm 2023, phần đầu thực hiện tốt hơn, quyết tâm giải ngân 100% vốn đầu tư đã được giao góp phần thực hiện hiệu quả, bền vững Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Tác động đến các nhóm đối tượng thụ hưởng: Chương trình đã có những tác động tích cực đến các đối tượng thụ hưởng, nhất là người dân vùng DTTS, người nghèo, cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo: Đầu năm 2022, toàn vùng đồng bào DTTS&MN có 23.099 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 35,64%; có 9.204 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 14,2% đến cuối năm, trong năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi giảm 5,37% xuống còn 30,27% (đạt mục tiêu đề ra là 4%); tỷ lệ hộ cận nghèo là 13,99%; về giáo dục, tỷ lệ trẻ mầm non ra lớp đạt 92,96%; 100% trẻ DTTS được tăng cường tiếng Việt; 100% trẻ học 2 buổi/ngày và tỷ lệ được ăn tại trường tăng, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi giảm nhiều so với các năm trước; về y tế, 100% xã có trạm Y tế hoạt động, chất lượng cán bộ y tế cơ sở đã được nâng cao, cơ cấu cán bộ được đảm bảo 100% xã có bác sỹ, các thôn có nhân viên y tế thôn bản hoạt động; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 78,3%; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 53,2%; tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi đạt 27,75%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt trên 98%; giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh; giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em (tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống đạt 0,02; tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống đạt 0,51); Bản sắc văn hóa của đồng bào DTTS được giữ gìn và phát huy, thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa; các di tích văn hóa, lịch sử được quan tâm, bảo tồn; các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức mang đậm bản sắc, đáp ứng nhu cầu văn hóa, tinh thần của người dân; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. 95,5% thôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, rộng khắp. Công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc được quan tâm. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh cơ bản được giữ vững và ổn định, không có vụ việc gây rối trật tự xã hội, không xảy ra những điểm nóng phức tạp; đồng bào các dân tộc chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.

- Tác động về công tác lồng ghép giới, thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình: Công tác bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị vùng DTTS&MN được xem là một trong những nội dung quan trọng, then chốt, tạo cơ hội cho phụ nữ phát huy trình độ năng lực, kinh nghiệm, thể hiện quan điểm trong quyết định các chính sách; thông qua đó, góp phần tạo nên nền tảng vững chắc cho việc thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực đời sống xã hội; phụ nữ đóng vai trò ngày càng tích cực trong quá trình phát triển KTXH vùng DTTS&MN. Trong những năm qua, các đơn vị quản lý về lao động, việc làm, phát triển thị trường lao động đã kịp thời có các giải pháp để tạo sự bình đẳng cho lao động nữ trong quá trình tham gia vào thị trường lao động. Hiện nay, nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động...; bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh; các chính sách phát triển văn hóa - xã hội ngày càng được triển khai theo hướng tạo được nhiều cơ hội, bảo đảm việc tiếp cận thông tin và nhu cầu thường thức văn hóa, văn nghệ của phụ nữ, công tác tuyên truyền trợ giúp pháp lý cho phụ nữ đã được các cấp, các ngành quan tâm. Tuy nhiên, công tác phụ nữ và bình đẳng giới vẫn còn những hạn chế do một số hủ tục và nhận thức một số người dân vùng đồng bào DTTS như: Phải có con trai để nối dõi; không được tham gia họp bàn, quyết định hay được làm những công việc có ý nghĩa trọng đại ở gia đình cũng như trong cộng đồng; việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số còn hạn chế, tỷ lệ nữ có bảo hiểm y tế (tính trong số người khám chữa bệnh) tuy tăng lên qua các năm nhưng thấp hơn nam giới; tình trạng tảo hôn ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe, đời sống của những em gái, hiện tượng tái mù chữ còn xảy ra khá phổ biến, nhất là ở một số địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa; định kiến giới còn tồn tại trong nhân dân (nhất là vùng nông thôn, vùng miền núi) gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới tại địa phương.

2. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

- Tiến độ thực hiện Chương trình còn chậm, tỷ lệ giải ngân vốn trong năm 2022 rất thấp, chỉ đạt 46,83% kế hoạch vốn giao (*trong đó vốn đầu tư phát triển đạt 55,90% và vốn sự nghiệp đạt 29,71%*). Năm 2023, mới chỉ giải ngân được 4,9% vốn đầu tư phát triển, chưa giải ngân vốn sự nghiệp.

- Nội dung của Chương trình mang quan điểm đầu tư tổng thể, các dự án, tiểu dự án và nội dung của Chương trình rất đa dạng về nội dung, hình thức triển khai; một số nội dung lần đầu tiên thực hiện do đó dẫn tới sự lúng túng, chậm trễ trong việc tổng hợp, xây dựng kế hoạch; tiến độ thực hiện các nội dung của Chương trình còn chậm.

- Các cơ quan Trung ương chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; một số văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng, thiếu đồng bộ giữa các văn bản

của các Bộ ngành. Nhiều vướng mắc trong thực hiện các nội dung của Chương trình đến nay chưa được các Bộ ngành Trung hướng hướng dẫn cụ thể hoặc sửa đổi các văn bản quy định để thực hiện.

- Hiện nay một số cơ chế, chính sách thuộc các dự án vẫn chưa được Trung ương ban hành để triển khai thực hiện như: Cơ chế đặc thù thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình (*hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất*) và không theo dự án đầu tư của Dự án 1; cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển để đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý của dự án 3; quy định hình thức cho vay, định mức cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn của dự án 9; nội dung đầu tư thực hiện chuyển đổi số trong thực hiện Chương trình và nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” của Tiểu dự án 2, dự án 10.

- Tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo, nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ thực hiện Chương trình các cấp thuộc Dự án 5 chưa được Ủy ban Dân tộc ban hành.

- Nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình giai đoạn 2021-2025 chưa được Trung ương thông báo cho tỉnh nên gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện chương trình cả giai đoạn, nhất là việc lựa chọn, xác định các dự án thực hiện có thời gian thực hiện trong nhiều năm.

- Một số Sở, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình nhưng chưa thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, hướng dẫn thực hiện và tổng hợp kết quả thực hiện chung của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần theo quy định tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 và Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 29/01/2023 của UBND tỉnh mà chỉ theo dõi, báo cáo đối với phần nhiệm vụ được UBND tỉnh giao vốn cho đơn vị mình trực tiếp thực hiện.

- UBND các huyện thực hiện Chương trình còn gặp nhiều lúng túng trong việc nghiên cứu, áp dụng triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương và tỉnh; chưa có giải pháp để đổi mới cách làm nhằm nâng cao hiệu quả của Chương trình. Trong năm 2022, hầu hết các huyện chưa bố trí vốn đối ứng từ ngân sách huyện để thực hiện Chương trình.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- Cấp uỷ, chính quyền các cấp phải quán triệt đầy đủ trách nhiệm và vai trò lãnh đạo của mình; phải huy động cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội, doanh nghiệp, người dân cùng chung tay, tạo ra sự đồng thuận, động lực mạnh mẽ để thực hiện thành công Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước; thực hiện tốt công tác đấu

tranh phòng, chống tham nhũng; thực hiện hành tiết kiệm chống lãng phí; đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ; đẩy mạnh công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tiến độ triển khai thực hiện Chương trình; tăng cường chuyên đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành.

- Chương trình được thực hiện trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN, nơi có xuất phát điểm nền kinh tế thấp, đời sống người dân gặp nhiều khó khăn; trình độ, nhận thức của người dân còn có những hạn chế nhất định. Do vậy, việc thực hiện Chương trình cần phải kiên trì, quyết tâm thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; tránh chủ quan, nóng vội, bệnh thành tích.

- Việc đánh giá hiệu quả của Chương trình, cần đề cao vai trò của người dân, người dân phải có ý chí tự lực, tự cường vươn lên cùng với sự đồng hành hỗ trợ của nhà nước và cộng đồng xã hội để thoát nghèo; cùng chung tay với thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Chương trình đã đề ra, quyết định đến sự hiệu quả, bền vững của Chương trình.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác dân tộc trong đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc và cộng đồng người dân vùng đồng bào DTTS, nhất là về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 –2025.

- Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; tăng cường mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc và UBND các huyện trong việc phối hợp triển khai thực hiện cũng như phối hợp tham mưu cấp trên tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2023-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2023-2025

- Hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình và giải ngân hoàn thành 100% kế hoạch vốn được giao thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến 2025.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhất là cán bộ cấp cơ sở và người dân ở vùng đồng bào DTTS&MN, nhất là đồng bào DTTS nghèo trong việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình nhằm thực hiện đạt được các mục tiêu của Kế

hoạch đề ra; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp huyện, xã; trong đó cần chú trọng tập huấn các văn bản mới để đảm bảo cán bộ có đủ năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện Chương trình. Tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng trong việc áp dụng kiến thức mới, kỹ thuật mới trong phát triển sản xuất phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Dự án, Tiêu dự án, Nội dung thành phần thuộc Chương trình; trong đó chú trọng đến việc các vấn đề cần thiết, bức xúc, nâng cao thu nhập cho người dân như hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện...; cần có phương pháp mới, cách làm mới trong việc hỗ trợ thực hiện các dự án phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh giải quyết hoặc kiến nghị các Bộ ngành Trung ương hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các Dự án, Tiêu dự án, Nội dung thành phần thuộc Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 phù hợp với thực tiễn.

- Các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ cập nhật các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành chủ quản, chủ động ban hành *(hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành)* các văn bản hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung do cơ quan mình chủ trì, quản lý; triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp huy động vốn đảm bảo thực hiện Chương trình theo Kế hoạch này và Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022. Tăng cường vận động các nguồn lực ngoài ngân sách, các doanh nghiệp tham gia vào các dự án hỗ trợ, đầu tư của chương trình; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách. Lồng ghép việc thực hiện các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc tổ chức thực hiện tại cơ sở; kịp thời giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS, vai trò giám sát của cộng đồng

trong việc thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ VỚI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Để triển khai thực hiện thuận lợi các nhiệm vụ của Chương trình, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị các Bộ, ngành Trung ương:

1. Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Tham mưu Chính phủ thông báo kế hoạch vốn sự nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 cho các địa phương để chủ động trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung của Chương trình, nhất là các nội dung hỗ trợ thực hiện các dự án có chu kỳ hỗ trợ dài như hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 27/2022/NĐ-CP, trong đó bổ sung một số cơ chế gồm: (1) Quy định cơ chế đặc thù thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình và không theo dự án đầu tư được quy định tại Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; (2) Quy định cơ chế đặc thù quản lý thực hiện nguồn vốn đầu tư của dự án dược liệu quý theo Quyết định 1719/QĐ-TTg hoặc quy định cho phép áp dụng cơ chế hỗ trợ tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đối với dự án này.

2. Kính đề nghị Bộ Y tế:

Tại Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và tại điểm d khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế quy định: “Hỗ trợ kinh phí đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua trang thiết bị trong hàng rào dự án”. Tuy nhiên, hiện nay các dự án này chưa có cơ sở chế biến dược liệu quý theo quy định của Chương trình nên không thể thực hiện đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý mà chủ yếu là đầu tư, xây dựng mới cơ sở chế biến dược liệu quý. Vì vậy, kính đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung “Hỗ trợ kinh phí đầu tư, cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua trang thiết bị trong hàng rào dự án” vào Quyết định 1719/QĐ-TTg và Thông tư số 10/2022/TT-BYT để thực hiện.

3. Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc:

- Tại nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg chỉ quy định hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật; không quy định hỗ trợ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ sản xuất nên khó khăn cho việc triển khai thực hiện các dự án sản xuất theo chuỗi bổ sung

nội dung hỗ trợ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ sản xuất đối với các dự án sản xuất theo chuỗi giá trị vào Quyết định số 1719/QĐ-TTg hoặc cho áp dụng Thông tư 53/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Chương trình nông thôn mới (cho phép áp dụng cơ chế hỗ trợ cho HTX (*trong chuỗi*) theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình.

- Ban hành tài bộ tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo, nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ thực hiện Chương trình thuộc Tiểu dự án 2 và Tiểu dự án 4, Dự án 5.

- Đối tượng thực hiện Nội dung Đào tạo đại học và sau đại học bị thu hẹp do quy định tại khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc chỉ quy định đối tượng là sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học; hiện nay, đối học sinh học dự bị đại học trên địa bàn tỉnh rất ít nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện và giải ngân vốn. Kính đề nghị điều chỉnh đối tượng thụ hưởng trong Thông tư 02/2022/TT-UBND phù hợp với đối tượng quy định trong Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

- Ban hành văn bản quy định hình thức cho vay, định mức cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

- Tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính không quy định việc “đón tiếp” các đoàn đại biểu người có uy tín trong đồng bào DTTS, kính đề nghị UBND hướng dẫn thực hiện nội dung này cho phù hợp với quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 03/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hướng dẫn cụ thể nội dung chuyển đổi số thực hiện Chương trình thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 10 để các địa phương thực hiện phù hợp, đồng bộ với Đề án do Ủy ban Dân tộc đang xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện Chương trình với các cơ quan Trung ương. Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm hoàn thành phần mềm báo cáo Chương trình để triển khai thực hiện.

- Ngày 29/3/2023, Bộ Tài chính có văn bản số 2807/BTC-HCSN trả lời vướng mắc trong thực hiện Chương trình có nêu về việc sử dụng nguồn kinh phí Tiểu dự án 3 - Dự án 10 để chi cho các hoạt động liên quan đến quản lý Chương trình nhưng chưa được quy định tại Quyết định 1719 /QĐ-TTg, vì vậy kinh phí quả lú thực hiện từ nguồn kinh phí tự chủ của cơ quan thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay biên chế của Ban Dân tộc tỉnh rất ít (khoảng trên dưới 20 người) nên rất khó khăn trong thực hiện. Bổ sung quy định nội dung quản lý thực hiện Chương trình vào Tiểu dự án 3, Dự án 10 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg hoặc có văn bản đề nghị Bộ Tài chính sớm ban hành văn bản hướng dẫn và quy định kinh phí chi

cho các hoạt động: Hội nghị, Hội thảo, chi mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ Chương trình do ngân sách địa phương bố trí trong dự toán hằng năm cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ.

4. Kính đề nghị Bộ Tài chính:

- Tại điểm a, khoản 5, Điều 14, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài Chính quy định: “Chi tổ chức các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư, kết nối tiêu thụ sản phẩm, các phiên chợ văn hóa, hội chợ, giao lưu, diễn đàn, các lễ hội gắn thương mại với du lịch: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và thực tế phát sinh theo các hóa đơn, chứng từ hợp pháp”; tuy nhiên, đối chiếu tại Điều 4 của Thông tư này không quy định rõ các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư và các mức chi cho các hoạt động này. Kính đề nghị Bộ hướng dẫn rõ nội dung và mức chi cho các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư; hướng dẫn thủ tục thanh, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh.

- Tại Điều 11, Điều 13 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài Chính không quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý nên các cơ quan quản lý các dự án này không có kinh phí để thực hiện (nhất là chi cho các hoạt động thẩm định dự án). Kính đề nghị Bộ bổ sung nội dung chi và mức chi cho hoạt động quản lý.

5.. Kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông: Hướng dẫn thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” của Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 10.

Ban Dân tộc tỉnh báo cáo quý Sở để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở KH&ĐT;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thế Nhân